

SỞ Y TẾ HUNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 23 tháng 02 năm 2022

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 42/2022/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC.

Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784.

Cho sản phẩm: Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt Gold Hajimil Ensure Diabetes.

Do Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm"; QCVN 8-3:2012/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 03-Gold Hajimil Ensure Diabetes/2022-TCSX-Bio Organic.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Website: antoanthucphamhungyen.vn;
- Lưu trữ: VP./.



Đỗ Mạnh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03- Gold Hajimil Ensure Diabetes/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

E-mail :

Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK. Ngày cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt **Gold Hajimil Ensure Diabetes** (Dinh dưỡng cho người già, người đái tháo đường, tiền đái tháo đường, người từ 10 tuổi trở lên)

2. Thành phần:

Sữa bột béo, đạm whey cô đặc, đường Isomal, HMO (2'Facosyllactose), Lysine, Chất xơ hòa tan (FOS/OLIGOMATE-55NP), Sữa non, Bột yến sào, Taurine, Enzym (Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Lactase). Các Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin B12, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Vitamin B8, Axit Folic, Biotin. Khoáng chất (Canxi carbonat, Canxi Aquamin F (32%), Magnesi phosphat, Sắt sulphate, kẽm sulphate, Mangan sulphate, Kali iodua, Clorid, Natri selenit). Hương sữa và hương vani tổng hợp dùng trong thực phẩm.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	390,1 ± 30%
Chất đạm	g/100g	12 ± 30%
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	48 ± 30%
Hydrat Cacbon	g/100g	63,34 ± 30%
Năng lượng từ Hydrat Cacbon	Kcal/100g	253,36 ± 30%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Chất béo	g/100g	9,86 ± 30%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	88,74 ± 30%
Chất xơ hoà tan (FOS/ OLIGOMATE-55NP)	g/100g	1,5 ± 30%
Bột yến sào	mcg/100g	100 ± 30%
Lysine	mg/100g	500 ± 30%
Isomalt	g/100g	5,1 ± 30%
Sữa non	mcg/100g	360000 ± 30%
Taurine	mg/100g	27 ± 30%
Protease	Định tính	Dương tính
Amylase	Định tính	Dương tính
Cellulase	Định tính	Dương tính
Lipase	Định tính	Dương tính
Lactase	Định tính	Dương tính
Vitamin A	IU/100g	693 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	126 ± 30%
Vitamin E	IU/100g	14 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	18,2 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	154 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	231 ± 30%
Vitamin B5	mcg/100g	1015 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	231 ± 30%
Vitamin B8 (Inositol)	mg/100g	17,5 ± 30%
Vitamin B12	mcg/100g	0,65 ± 30%
Vitamin B3	mg/100g	3,15 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	91 ± 30%
Biotin	mcg/100g	9,1 ± 30%
Canxi	mg/100g	315 ± 30%
Canxi Aquamin F (32%)	mg/100g	22,4 ± 30%
Photpho	mg/100g	203 ± 30%

08117
CÔNG
CỐ PH
NH DƯ
Y HỌ
O ORGA
7-1 W

CỤC
IVỆ S
PH
UNG

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Magie	mg/100g	33,6 ± 30%
Sắt	mg/100g	4,13 ± 30%
Kẽm	mg/100g	2,24 ± 30%
Mangan	mcg/100g	3,325 ± 30%
Selen	mcg/100g	11,9 ± 30%
Natri	mg/100g	126 ± 30%
Kali	mg/100g	273 ± 30%
Clorid	mg/100g	154 ± 30%
I-ốt	mcg/100g	54,7 ± 30%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

5.1. Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp

5.2. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy trắng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

- Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại: 0389948784 Fax:.....

- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 63/2021/ATTP-CNĐK

- Ngày cấp/Nơi cấp: 01/11/2021, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hưng Yên.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic sản xuất, kinh doanh **Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt Gold Hajimil Ensure Diabetes** (Dinh dưỡng cho người già, người đái tháo đường, tiền đái tháo đường, người từ 10 tuổi trở lên) đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:



- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất đính kèm số: 03 – Gold Hajimil Ensure Diabetes/2022-TCSX- Bio Organic.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hung Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

BẢN TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT

Số: 03 – Gold Hajimil Ensure Diabetes/2022-TCSX- Bio Organic.

Đơn vị sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

Địa điểm: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0389948784

Fax:.....

1. Sản phẩm: Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt Gold Hajimil Ensure Diabetes
(Dinh dưỡng cho người già, người đái tháo đường, tiền đái tháo đường, người từ 10 tuổi trở lên)

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng sữa đến màu vàng nhạt đặc trưng sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	390,1 ± 30%
Chất đạm	g/100g	12 ± 30%
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	48 ± 30%
Hydrat Cacbon	g/100g	63,34 ± 30%
Năng lượng từ Hydrat Cacbon	Kcal/100g	253,36 ± 30%
Chất béo	g/100g	9,86 ± 30%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	88,74 ± 30%
Chất xơ hoà tan (FOS/ OLIGOMATE-55NP)	g/100g	1,5 ± 30%
Bột yến sào	mcg/100g	100 ± 30%
Lysine	mg/100g	500 ± 30%
Isomalt	g/100g	5,1 ± 30%
Sữa non	mcg/100g	360000 ± 30%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Taurine	mg/100g	27 ± 30%
Protease	Định tính	Dương tính
Amylase	Định tính	Dương tính
Cellulase	Định tính	Dương tính
Lipase	Định tính	Dương tính
Lactase	Định tính	Dương tính
Vitamin A	IU/100g	693 ± 30%
Vitamin D3	IU/100g	126 ± 30%
Vitamin E	IU/100g	14 ± 30%
Vitamin C	mg/100g	18,2 ± 30%
Vitamin B1	mcg/100g	154 ± 30%
Vitamin B2	mcg/100g	231 ± 30%
Vitamin B5	mcg/100g	1015 ± 30%
Vitamin B6	mcg/100g	231 ± 30%
Vitamin B8 (Inositol)	mg/100g	17,5 ± 30%
Vitamin B12	mcg/100g	0,65 ± 30%
Vitamin B3	mg/100g	3,15 ± 30%
Axit Folic	mcg/100g	91 ± 30%
Biotin	mcg/100g	9,1 ± 30%
Canxi	mg/100g	315 ± 30%
Canxi Aquamin F (32%)	mg/100g	22,4 ± 30%
Photpho	mg/100g	203 ± 30%
Magie	mg/100g	33,6 ± 30%
Sắt	mg/100g	4,13 ± 30%
Kẽm	mg/100g	2,24 ± 30%
Mangan	mcg/100g	3,325 ± 30%
Selen	mcg/100g	11,9 ± 30%
Natri	mg/100g	126 ± 30%
Kali	mg/100g	273 ± 30%

1811
 ĐNG
 Ô P
 IH Q
 Y H
 00
 H
 Y
 CHI C
 TOÁN
 HƯC
 H H

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Clorid	mg/100g	154 ± 30%
I-ốt	mcg/100g	54,7 ± 30%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Chỉ tiêu an toàn

4.1. Giới hạn về ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm

Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: QĐ về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm”

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Coliforms	CFU/g	10
3	B.cereus	CFU/g	10^2
4	E.Coli	CFU/g	Không có (hoặc < 3MNP)
5	S.aureus	CFU/g	10
6	Salmonella.spp	/25g	Không có

4.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Thiếc (Sn)	mg/kg	250
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
5	Arsen (As)	mg/kg	0.5

4.3. Giới hạn về về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn về độc tố vi nấm trong thực phẩm (Theo nhóm thức ăn công thức/ Thức ăn dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi)

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Patuli	µg/kg	10
3	Fumonisin	µg/kg	200
4	Aflatoxin B1	µg/kg	0.1
5	Deoxynivalenol	µg/kg	200
6	Zearalenone	µg/kg	20
7	Ochratoxin A	µg/kg	0.5

4.4 Giới hạn về Melamin

Theo 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

<i>STT</i>	<i>Tên chỉ tiêu</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Mức tối đa</i>
1	Melamin	mg/kg	2.5

4.5 Các tiêu chí khác

- **Dư lượng thuốc thú y:** Phù hợp với quy định dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2013 của Bộ Y tế.
- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp với quy định giới hạn dư lượng thuốc tối đa bảo vệ thực vật trên thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

5 Hướng dẫn sử dụng:

Công dụng:

- Bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng, giúp duy trì sức khỏe.
- Thay thế bữa ăn phụ.
- Tốt cho người bị tiểu đường, tiền đái tháo đường.
- Giúp xương chắc khỏe, phòng ngừa nguy cơ loãng xương.
- Giúp phục hồi sau phẫu thuật.
- Tốt cho hệ tim mạch.

- Giúp tăng cường thể lực, ăn tốt ngủ tốt.
- Tăng cường sức đề kháng.

Đối tượng sử dụng:

Dành cho người già, người đái tháo đường, tiền đái tháo đường, người từ 10 tuổi trở lên.

Cách pha:

Một muỗng gạt ngang (tương đương 9.8gram) pha với 50ml nước

1. Pha ở nơi sạch sẽ. Rửa tay và dụng cụ pha thật sạch sẽ, đun sôi dụng cụ pha trong vòng 5 phút.
2. Đun sôi nước sạch trong 5 phút, để nguội dần xuống 40 độ C trước khi pha.
3. Pha theo bảng hướng dẫn và sử dụng muỗng lường có sẵn trong lon.
4. Đậy nắp, lắc đều dụng cụ để tan hoàn toàn. Để nguội đến nhiệt độ thích hợp rồi sử dụng.

Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần/ngày
5	250	4

Thận trọng: pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

6 Hướng dẫn sử dụng:

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

7 Thời hạn sử dụng; 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

8 Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

8.1 Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy trắng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

8.2 Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp

Hưng Yên, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Đại diện tổ chức, cá nhân



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Phương

BN: 220114-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2201401

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results



Tên mẫu / Sample name: **Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt Gold Hajimil Ensure Diabetes**
(Dành cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường)

Khách hàng / Client : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ / Address : **Thôn Đỗ Mỹ, Xã Bãi Sậy, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên**

Mô tả mẫu / Sample description : **Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín**

Nền mẫu / Matrix : **Thực phẩm dành cho chế độ ăn đặc biệt Gold Hajimil Ensure Diabetes**
(Dành cho người đái tháo đường, tiền đái tháo đường)

Số lượng mẫu / Number of sample: **01**

Ngày nhận mẫu / Date of sample received : **12/01/2022**

Ngày hẹn trả kết quả / Date of results delivery: **21/01/2022**



Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2201401	Arsen (As) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) ^(*)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M ₁	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018

BN: 220114-004/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 2201401

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2201401	Patulin	KPH	1.0	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	<i>Enterobacteriaceae</i> (*)	KPH	10	CFU/g	ISO 21528 - 2:2017
	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i> (*) ^(b)	KPH	10	CFU/g	TCVN 4830 - 1:2009
	<i>Listeria monocytogenes</i>	KPH	-	/25g	ISO 11290-1:2017
	<i>Salmonella</i> (*)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/Note : Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên/ *The results only valid for the sample encoded as above*

- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full, without the written approval of the director*

- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / *The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)*

- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / *The parameters tested by subcontractor*

- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / *Lab approved by Ministry of Health*

- LOD: Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection.*

KPH : không phát hiện/ *Not detected*

Phụ trách phòng thí nghiệm

Officer in charge of laboratory



ThS. Nguyễn Thanh Tân



TS. Phạm Kim Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BAN SAO
GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN
CHỨNG NHẬN

Tên cơ sở: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic
Địa chỉ: Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0389948784

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:

Sản xuất kinh doanh thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm, dinh dưỡng dùng cho trẻ em đến 36 tháng tuổi

Hưng Yên, ngày 01 tháng 11 năm 2024

CHI CỤC TRƯỞNG



Số cấp: 63 /2024/ATTP-CMĐK
Có hiệu lực đến ngày 01 tháng 1 năm 2024

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Thị Thu Hương

17-12-2021

Số: 4269.....Quyển: 01.....TPX.....

H
S
S
T